

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QTH

TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG & SẢN XUẤT ĐỢT HỌC

3

MÃ HỌC PHẦN : MGO - 301

TÍN CHỈ

3

Ngày thi: 09/07/2011

LẦN THI

1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	142337559	Đoàn Thị Ngọc	Yến	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
2	152337730	Hồ Công	Tài	B16QTH1	0		5		6				HP	0.0	Khăng		
3	162330654	Bùi Tuấn	Anh	B16QTH1	0		5		6.5				2.5	0.0	Khăng		
4	162330657	Nguyễn Tuấn	Anh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
5	162330659	Phạm Thị Vân	Anh	B16QTH1	10		6.5		7				5	6.2	Sâu pháy Hai		
6	162330660	Nguyễn Văn	Ánh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
7	162330661	Võ Văn	Bền	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
8	162330662	Nguyễn Thành	Bi	B16QTH1	8		6		7.5				2	0.0	Khăng		
9	162330663	Nguyễn Thị Thanh	Bình	B16QTH1	7		5.5		7				4	5.2	Nằm pháy Hai		
10	162330664	Nguyễn Văn	Bình	B16QTH1	10		7		7				7	7.3	Báy pháy Ba		
11	162330666	Võ Hoàng Thái	Bình	B16QTH1	10		7.5		6.8				4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
12	162330667	Nguyễn Thị	Bông	B16QTH1	10		7		7				5	6.2	Sâu pháy Hai		
13	162330668	Nguyễn Thị Vũ	Cẩm	B16QTH1	10		7		7				8.5	8.1	Tằm pháy Mất		
14	162330669	Huỳnh Lê Bảo	Châu	B16QTH1	10		6.5		6.8				5	6.1	Sâu pháy Mất		
15	162330673	Nguyễn Thành	Chung	B16QTH1	9		6.6		7				4	5.5	Nằm pháy Nằm		
16	162330674	Nguyễn Anh	Cương	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
17	162330676	Trương Văn	Cường	B16QTH1	10		7		7				V	0.0	Khăng		
18	162330677	Nguyễn Thị	Diễm	B16QTH1	10		7.5		7				6	6.8	Sâu pháy Tằm		
19	162330678	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
20	162330679	Lê Thị Ái	Diệu	B16QTH1	10		7		7				8	7.9	Báy pháy Chên		
21	162330681	Phan Quốc	Din	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
22	162330690	Trần Thị	Dương	B16QTH1	10		7		7.5				4	5.8	Nằm pháy Tằm		
23	162330691	Phan Văn	Đại	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
24	162330693	Nguyễn Quốc	Đạt	B16QTH1	9		6.5		7				2	0.0	Khăng		
25	162330699	Thái Văn	Đức	B16QTH1	8		6		7				3	0.0	Khăng		
26	162330701	Đoàn Quỳnh	Giang	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
27	162330707	Nguyễn Thị	Hải	B16QTH1	9		6.5		6				4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
28	162330711	Bùi Thị Kim	Hằng	B16QTH1	9		7		7.5				3	0.0	Khăng		
29	162330713	Phạm Tiên	Hằng	B16QTH1	10		7		7				4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
30	162330717	Võ Đức	Hiếu	B16QTH1	10		7.5		7.5				5.5	6.7	Sâu pháy Báy		
31	162330720	Lê Minh	Hòa	B16QTH1	7		6		7.5				5.5	6.2	Sâu pháy Hai		
32	162330721	Nguyễn Văn	Hòa	B16QTH1	9		7		6				6	6.4	Sâu pháy Bấu		
33	162330722	Phan Thị	Hòa	B16QTH1	10		6.5		7				4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
34	162330726	Trần Khải	Hoàn	B16QTH1	9		6		7				3	0.0	Khăng		
35	162330728	Lê Xuân	Hoàng	B16QTH1	7		5.5		6.8				4	5.2	Nằm pháy Hai		
36	162330730	Trương	Hoàng	B16QTH1	8		7		7				3.5	0.0	Khăng		
37	162330732	Lê Thị Ánh	Hồng	B16QTH1	10		7		7				7	7.3	Báy pháy Ba		
38	162330735	Nguyễn Hữu	Hùng	B16QTH1	9		7		6.8				5.5	6.3	Sâu pháy Ba		
39	162330738	Nguyễn Hữu	Huy	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
40	162330741	Đặng Ngọc	Khánh	B16QTH1	9		6.5		6.8				V	0.0	Khăng	Hoàn Thị LI	

Ngày thi: 09/07/2011

LẦN THI

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	162330743	Lê Hồng	Khánh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
42	162330744	Lê Minh	Khánh	B16QTH1	7		6.5		7				3	0.0	Khăng		
43	162330747	Trần Anh	Khoa	B16QTH1	9		7		7				2.5	0.0	Khăng		
44	162330748	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	B16QTH1	9		7		7				V	0.0	Khăng		
45	162330757	Văn Thị Mỹ	Lệ	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
46	162330758	Nguyễn Văn	Liêm	B16QTH1	8		6		7				4.5	5.6	Nằm pháy Sau		
47	162330759	Huỳnh Thị Thùy	Linh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
48	162330760	Kiều Nguyễn Hoài	Linh	B16QTH1	10		7		7				5.5	6.5	Sau pháy Nằm		
49	162330761	Ngô Lê Khánh	Linh	B16QTH1	10		7.5		7				6.5	7.1	Báy pháy Mất		
50	162330763	Phạm Thị Vỹ	Linh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
51	162330764	Đoàn Thị Ngọc	Loan	B16QTH1	10		6		6.8				6.5	6.9	Sau pháy Chên		
52	162330765	Nguyễn Phi	Long	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
53	162330767	Lê Thị Hoài	Luy	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
54	162330769	Nguyễn Thị Kiều	Ly	B16QTH1	10		7		7				6	6.8	Sau pháy Tằm		
55	162330771	Phan Hoàng Thiên	Lý	B16QTH1	9		6.5		7				9	8.3	Tằm pháy Ba		
56	162330775	Châu Quốc	Min	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
57	162330776	Lê Thị Hồng	Minh	B16QTH1	8		7		7				4	5.5	Nằm pháy Nằm		
58	162330779	Lê Thị Tiểu	My	B16QTH1	10		7		7.5				7	7.4	Báy pháy Bấu		
59	162330781	Lê Thị Ngọc	Na	B16QTH1	7		7		7				4	5.4	Nằm pháy Bấu		
60	162330786	Nguyễn Thị Thanh	Nga	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
61	162330791	Trương Tuấn	Nghĩa	B16QTH1	8		7		7				4.5	5.7	Nằm pháy Báy		
62	162330792	Hồ Bảo	Ngọc	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
63	162330794	Lê Thị	Ngọc	B16QTH1	10		7.5		6.8				5	6.2	Sau pháy Hai		
64	162330795	Phạm Thị Bích	Ngọc	B16QTH1	9		7		6.8				7	7.2	Báy pháy Hai		
65	162330796	Phùng Bảo	Ngọc	B16QTH1	10		7.5		7				7.5	7.6	Báy pháy Sau		
66	162330798	Trần Văn	Ngôn	B16QTH1	10		7.5		7.5				8	8.0	Tằm		
67	162330801	Đặng Minh	Nhật	B16QTH1	9		6		6.8				6.5	6.8	Sau pháy Tằm		
68	162330802	Tôn Nữ Xuân	Nhi	B16QTH1	9		6.5		7				7	7.2	Báy pháy Hai		
69	162330803	Nguyễn Thị	Nhung	B16QTH1	9		7		6				6.5	6.7	Sau pháy Báy		
70	162330804	Hoàng Đình	Ninh	B16QTH1	0		5.5		7				0	0.0	Khăng		
71	162330811	Nguyễn Lê	Phước	B16QTH1	8		6		6				5.5	5.9	Nằm pháy Chên		
72	162330814	Nguyễn Thị Hoài	Phương	B16QTH1	9		7		7				7	7.2	Báy pháy Hai		
73	162330816	Phạm Hồng	Phương	B16QTH1	6		7		7				HP	0.0	Khăng		
74	162330818	Trần Thị Thu	Phương	B16QTH1	10		7		7				7.5	7.6	Báy pháy Sau		
75	162330820	Nguyễn Văn	Quang	B16QTH1	10		7.5		7				8	7.9	Báy pháy Chên		
76	162330821	Trần Đặng Lê	Quang	B16QTH1	7		6		7				HP	0.0	Khăng		
77	162330822	Trần Đình	Quang	B16QTH1	8		6.5		7				6.5	6.8	Sau pháy Tằm		
78	162330823	Trần Nguyễn Hoài	Quang	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
79	162330827	Võ Thành	Quý	B16QTH1	9		7		6.8				HP	0.0	Khăng		
80	162330828	Hoàng Thị Mỹ	Quỳnh	B16QTH1	8		7		7				7.5	7.4	Báy pháy Bấu		
81	162330831	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	B16QTH1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
82	162330833	Nguyễn Đình Cao	Sang	B16QTH1	10		7		7				7.5	7.6	Báy pháy Sau		
83	162330834	Tôn Long	Sang	B16QTH1	0		5.5		6.5				3	0.0	Khăng		

Ngày thi: 09/07/2011

LẦN THI

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	162330835	Huỳnh Văn	Sanh	B16QTH1	9		7		6				2.5	0.0	Khăng		
85	162330836	Trương Quang	Sanh	B16QTH1	8		7		7				7	7.1	Báý pháý Mắú		
86	162330838	Lê Chí	Tâm	B16QTH1	8		6.5		7.5				V	0.0	Khăng		
87	162330839	Phan Thị	Tâm	B16QTH1	9		6		7				5	6.0	Sầú		
88	162330841	Trần Anh	Tâm	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
89	162330842	Trương Đình	Tân	B16QTH1	10		7		7				2.5	0.0	Khăng		
90	162330847	Trịnh Công	Thanh	B16QTH1	8		7		5				5	5.5	Nằ́m pháý Nằ́m		
91	162330849	Võ Văn	Thanh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
92	162330853	Hà Đình	Thảo	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
93	162330858	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
94	162330863	Dương Đình	Thiện	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
95	162330869	Lê Thị Ngọc	Thu	B16QTH1	9		6.5		7				8	7.7	Báý pháý Báý		
96	162330871	Phan Thị Bích	Thuận	B16QTH1	10		7		7				0	0.0	Khăng		
97	162330872	Dương Thị Thu	Thùy	B16QTH1	10		7.5		7				8.5	8.2	Tằ́m pháý Hai		
98	162330879	Hoàng Thị Bích	Thương	B16QTH1	10		6		7.5				6.5	7.1	Báý pháý Mắú		
99	162330884	Phạm Nguyên	Tịnh	B16QTH1	0		5.5		7				V	0.0	Khăng		
100	162330887	Hoàng Nguyễn Diệu	Trang	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
101	162330888	Ngô Thị Kiều	Trang	B16QTH1	10		6		7				8	7.8	Báý pháý Tằ́m		
102	162330891	Phạm Thị Huyền	Trang	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
103	162330897	Nguyễn Minh	Trí	B16QTH1	10		7		7				8	7.9	Báý pháý Chằ́n		
104	162330898	Nguyễn Trọng	Trình	B16QTH1	7		7		7.5				6	6.6	Sầú pháý Sầú		
105	162330902	Trương Ngọc	Trung	B16QTH1	7		6.5		6.8				0	0.0	Khăng		
106	162330910	Hà Minh	Tuấn	B16QTH1	8		7		7				4	5.5	Nằ́m pháý Nằ́m		
107	162330911	Nguyễn Hồ Hoàng	Tuấn	B16QTH1	6		6		7.5				4	5.3	Nằ́m pháý Ba		
108	162330912	Phạm Minh	Tuấn	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
109	162330913	Phan Anh	Tuấn	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
110	162330914	Ngô Văn	Tùng	B16QTH1	9		7		8				7	7.5	Báý pháý Nằ́m		
111	162330915	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16QTH1	8		7		7				HP	0.0	Khăng		
112	162330916	Lê Thị Cát	Tường	B16QTH1	10		7.5		6.8				7.5	7.6	Báý pháý Sầú		
113	162330918	Nguyễn Thị Hạ	Uyên	B16QTH1	10		6.5		7.5				7.5	7.7	Báý pháý Báý		
114	162330919	Nguyễn Thanh	Văn	B16QTH1	10		7		6				8	7.6	Báý pháý Sầú		
115	162330923	Trần Thành	Văn	B16QTH1	8		7		7				4	5.5	Nằ́m pháý Nằ́m		
116	162330926	Huỳnh Đức	Vinh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
117	162330927	Nguyễn Quang	Vinh	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
118	162330929	Đặng Quang	Võ	B16QTH1	10		7		5				4	5.2	Nằ́m pháý Hai		
119	162330930	Hoàng Nguyễn	Vũ	B16QTH1	9		7		7				5.5	6.4	Sầú pháý Bắú		
120	162330931	Lê Hoàng	Vũ	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
121	162330933	Trương Đình	Vũ	B16QTH1	10		7.5		7				7	7.4	Báý pháý Bắú		
122	162330934	Trần Doãn	Vượng	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
123	162330935	Lê Nguyễn Hà	Vy	B16QTH1	9		6.5		6.8				5	6.0	Sầú		
124	162330940	Phạm Thị Ánh	Xinh	B16QTH1	10		7		7				6.5	7.0	Báý		
125	162330941	Bùi Thị Ánh	Xuân	B16QTH1	9		6		7				6	6.6	Sầú pháý Sầú		
126	162330942	Mai Thị Hoàng	Yến	B16QTH1	10		7		5				7	6.8	Sầú pháý Tằ́m		

Ngày thi: 09/07/2011

LẦN THI

1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
127	162330864	Phan Thị	Thiện	B16QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
128	152337586	Đoàn Thị Ngọc	Hân	B16QTH2	0		0		0				V	0.0	Khăng		
129	162310412	Nguyễn Thị Thanh	Sang	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
130	162310424	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
131	162320245	Trần Thị Kim	Anh	B16QTH2	10		5		7.5				7.5	7.5	Báý pháý Nàm		
132	162320249	Phạm Thị Lệ	Diễm	B16QTH2	8		5		7				5.5	6.1	Sầu pháý Mầú		
133	162320281	Vũ Thị Thanh	Huyền	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
134	162320292	Hoàng Ái	Linh	B16QTH2	10		4.8		7				6	6.5	Sầu pháý Nàm		
135	162330653	Nguyễn Hữu	An	B16QTH2	10		4.5		7				4	5.4	Nàm pháý Bầú		
136	162330656	Nguyễn Thị Kim	Anh	B16QTH2	8		4.5		7				4.5	5.5	Nàm pháý Nàm		
137	162330658	Phạm Thị Huyền	Anh	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
138	162330665	Văn Công	Bình	B16QTH2	8		5.3		7				5	5.8	Nàm pháý Tầm		
139	162330671	Đặng Thị Kim	Chung	B16QTH2	10		3		7.5				5	5.9	Nàm pháý Chèn		
140	162330672	Đoàn Ngọc	Chung	B16QTH2	10		5		8				4.5	6.0	Sầu		
141	162330675	Trần Quân	Cường	B16QTH2	8		5		7				2	0.0	Khăng		
142	162330680	Nguyễn Thị	Diệu	B16QTH2	10		5		7.5				4	5.6	Nàm pháý Sầu		
143	162330682	Nguyễn Thị Thùy	Dung	B16QTH2	9		5.5		7				4	5.4	Nàm pháý Bầú		
144	162330683	Trần Thị	Dung	B16QTH2	10		5		7				4.5	5.7	Nàm pháý Báý		
145	162330684	Hoàng Tiến	Dũng	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
146	162330686	Nguyễn Long	Duy	B16QTH2	8		5		7				5	5.8	Nàm pháý Tầm		
147	162330687	Phan Tiến	Duy	B16QTH2	0		5		6.5				4.5	4.6	Bầú pháý Sầu		
148	162330688	Mai Thị	Duyên	B16QTH2	10		5		7				6.5	6.8	Sầu pháý Tầm		
149	162330692	Nguyễn Duy	Đạt	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
150	162330694	Vô Thành	Đạt	B16QTH2	9		5.3		7				5.5	6.2	Sầu pháý Hai		
151	162330695	Lê Văn	Đô	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
152	162330697	Hoàng Minh	Đức	B16QTH2	8		5		7				5.5	6.1	Sầu pháý Mầú		
153	162330698	Nguyễn Quang	Đức	B16QTH2	0		4.5		7				5	5.0	Nàm		
154	162330700	Lê Thị Hồng	Gắm	B16QTH2	9		5		7				HP	0.0	Khăng		
155	162330702	Nguyễn Thị Trà	Giang	B16QTH2	8		8.5		7				7	7.3	Báý pháý Ba		
156	162330703	Nguyễn Hữu	Hà	B16QTH2	0		4.5		7				5.5	5.2	Nàm pháý Hai		
157	162330704	Nguyễn Thị	Hà	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
158	162330705	Trần Thu	Hà	B16QTH2	10		9.5		7.5				7	7.7	Báý pháý Báý		
159	162330708	Nguyễn Thị Minh	Hải	B16QTH2	10		5.5		7				4	5.5	Nàm pháý Nàm		
160	162330709	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	B16QTH2	9		4.5		7				3.5	0.0	Khăng		
161	162330710	Nguyễn Thị Như	Hạnh	B16QTH2	10		5.8		7.5				4.5	5.9	Nàm pháý Chèn		
162	162330712	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
163	162330714	Vô Thị	Hiền	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
164	162330716	Dương Chí	Hiếu	B16QTH2	10		5		7				5.5	6.3	Sầu pháý Ba		
165	162330723	Trần Văn	Hòa	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
166	162330724	Nguyễn Văn	Hoài	B16QTH2	9		5		5				3	0.0	Khăng		
167	162330725	Phan Văn	Hoàn	B16QTH2	8		5		8				4.5	5.8	Nàm pháý Tầm		
168	162330729	Nguyễn Trọng	Hoàng	B16QTH2	9		4.5		7				5	5.9	Nàm pháý Chèn		
169	162330731	Trương Khánh	Hoàng	B16QTH2	9		7.5		6.5				HP	0.0	Khăng		

Ngày thi: 09/07/2011

LẦN THI

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
170	162330733	Nguyễn Thị Huệ		B16QTH2	10		4.5		7				4	5.4	Nằm pháp Bấu		
171	162330736	Nguyễn Thanh Hùng		B16QTH2	10		5		7				4.5	5.7	Nằm pháp Báy		
172	162330737	Võ Sỹ Hùng		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
173	162330739	Trương Như Huy		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
174	162330745	Nguyễn Thiện Khiêm		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
175	162330746	Nguyễn Trung Khoa		B16QTH2	0		5.3		7				3	0.0	Khăng		
176	162330750	Phan Chí Kiên		B16QTH2	8		6.5		7				2.5	0.0	Khăng		
177	162330751	Ngô Minh Kỳ		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
178	162330752	Đỗ Văn Lạc		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
179	162330753	Đào Ngọc Thu Lan		B16QTH2	9		5.3		7				3	0.0	Khăng		
180	162330754	Huỳnh Thị Lâm		B16QTH2	9		4.5		6.8				7.5	7.2	Báy pháp Hai		
181	162330755	Phan Đức Lâm		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
182	162330766	Phạm Văn Luận		B16QTH2	10		8.5		7				4.5	6.1	Sầu pháp Mắù		
183	162330768	Đinh Thị Ly		B16QTH2	0		0		0				V	0.0	Khăng		
184	162330773	Hồ Đức Mạnh		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
185	162330777	Lê Trọng Minh		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
186	162330778	Phạm Văn Minh		B16QTH2	8		5.3		7				V	0.0	Khăng		
187	162330780	Võ Thị Diệu My		B16QTH2	9		7		7				4.5	5.8	Nằm pháp Tầm		
188	162330782	Ngô Pô Na		B16QTH2	8		5		6				2	0.0	Khăng		
189	162330784	Vũ Hải Nam		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
190	162330785	Nguyễn Thị Mỹ Nga		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
191	162330787	Nguyễn Thị Tuyết Nga		B16QTH2	10		4		8				3.5	0.0	Khăng		
192	162330788	Hoàng Thị Ngà		B16QTH2	10		5		7				4	5.5	Nằm pháp Nằm		
193	162330789	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân		B16QTH2	10		4		7				6.5	6.7	Sầu pháp Báy		
194	162330793	Huỳnh Văn Ngọc		B16QTH2	10		4.5		7				HP	0.0	Khăng		
195	162330797	Trần Thị Như Ngọc		B16QTH2	8		5		7				2.5	0.0	Khăng		
196	162330799	Thái Thị Thanh Nguyệt		B16QTH2	10		7		7.5				4.5	6.1	Sầu pháp Mắù		
197	162330800	Trần Thị Thu Nguyệt		B16QTH2	9		5		7.5				6.5	6.9	Sầu pháp Chèn		
198	162330805	Trương Thị Trinh Nữ		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
199	162330806	Lê Thị Kim Oanh		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
200	162330808	Trịnh Thị Oanh		B16QTH2	10		5		7				4.5	5.7	Nằm pháp Báy		
201	162330809	Ngô Tấn Như Phúc		B16QTH2	0		5		6				2	0.0	Khăng		
202	162330810	Đinh Văn Phước		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
203	162330812	Hoàng Thị Phương		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
204	162330813	Hoàng Văn Phương		B16QTH2	10		5		6				3	0.0	Khăng		
205	162330817	Phạm Văn Phương		B16QTH2	9		5		7				2.5	0.0	Khăng		
206	162330819	Văn Hoàng Phương		B16QTH2	9		4.5		7.5				5.5	6.3	Sầu pháp Ba		
207	162330824	Võ Trần Phương Quân		B16QTH2	10		9		6				5.5	6.4	Sầu pháp Bấu		
208	162330826	Trương Ngọc Quý		B16QTH2	9		5		7				3.5	0.0	Khăng		
209	162330829	Phan Nhã Uyên		B16QTH2	8		4.5		6				4	5.0	Nằm		
210	162330837	Nguyễn Văn Sơn		B16QTH2	8		4.5		7.5				HP	0.0	Khăng		
211	162330840	Phan Thị Linh Tâm		B16QTH2	10		8		7				5	6.3	Sầu pháp Ba		
212	162330843	Hồ Văn Tây		B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		

Ngày thi: 09/07/2011

LẦN THI

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
213	162330844	Đỗ Ngọc Đan	Thanh	B16QTH2	8		5		7				4	5.3	Nằm pháp Ba		
214	162330845	Huỳnh Thanh	Thanh	B16QTH2	0		4.5		7				6	5.5	Nằm pháp Nam		
215	162330850	Đặng Quốc	Thành	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
216	162330856	Nguyễn Thị Phương	Thảo	B16QTH2	10		4.5		6.5				7.5	7.2	Báý pháp Hai		
217	162330859	Trần Phương	Thảo	B16QTH2	10		4.5		7				6	6.5	Sầu pháp Nam		
218	162330860	Hồ Thị	Thắm	B16QTH2	10		6		7				6.5	6.9	Sầu pháp Chên		
219	162330862	Nguyễn Thành	Thi	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
220	162330866	Đàm Vĩnh Gia	Thịnh	B16QTH2	8		4		7				3.5	0.0	Khăng		
221	162330867	Lê Tiến	Thịnh	B16QTH2	10		4.3		7				6	6.5	Sầu pháp Nam		
222	162330868	Lương Quốc	Thịnh	B16QTH2	10		6		7				6.5	6.9	Sầu pháp Chên		
223	162330870	Hồ Văn	Thuận	B16QTH2	10		9		7				6.5	7.2	Báý pháp Hai		
224	162330873	Hồ Thị	Thùy	B16QTH2	8		5		7.5				6.5	6.8	Sầu pháp Taim		
225	162330874	Bùi Thị Thanh	Thủy	B16QTH2	8		4.5		7.5				1.5	0.0	Khăng		
226	162330875	Nguyễn Thị	Thủy	B16QTH2	10		4.5		7				6.5	6.8	Sầu pháp Taim		
227	162330876	Trần Thị Thanh	Thủy	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
228	162330877	Bùi Thị	Thúy	B16QTH2	10		5.5		7				7	7.2	Báý pháp Hai		
229	162330878	Nguyễn Thị Thu	Thúy	B16QTH2	8		5		7.5				V	0.0	Khăng		
230	162330880	Nguyễn Thị	Thương	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
231	162330881	Nguyễn Thị Hồng	Thương	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
232	162330883	Trình Vũ	Tiên	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
233	162330886	Đỗ Thị Minh	Trang	B16QTH2	10		7		8				5	6.5	Sầu pháp Nam		
234	162330889	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
235	162330890	Nguyễn Thị Uyên	Trang	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
236	162330893	Trần Thị Huyền	Trang	B16QTH2	8		4		8				5	6.0	Sầu		
237	162330894	Vũ Thị	Trang	B16QTH2	9		5		8.5				3	0.0	Khăng		
238	162330895	Lê Thị Nữ	Trâm	B16QTH2	10		5		7				4.5	5.7	Nằm pháp Báý		
239	162330899	Võ Thị Kim	Trinh	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
240	162330903	Võ Minh	Trung	B16QTH2	9		5		7				7	7.0	Báý		
241	162330905	Hoàng Kim Anh	Tú	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
242	162330908	Nguyễn Hữu	Tuân	B16QTH2	10		4.5		7				3.5	0.0	Khăng		
243	162330909	Bùi Duy	Tuấn	B16QTH2	0		0		0				4	2.2	Hai pháp Hai		
244	162330920	Đậu Thị Tú	Vân	B16QTH2	10		5		7				5.5	6.3	Sầu pháp Ba		
245	162330921	Nguyễn Dương Thanh	Vân	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
246	162330922	Nguyễn Thị Thanh	Vân	B16QTH2	0		5		7				4	4.5	Bấứ pháp Nam		
247	162330924	Hồ Ngọc	Viên	B16QTH2	9		8		7.5				4	5.8	Nằm pháp Taim		
248	162330925	Nguyễn Thế Hoàng	Việt	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
249	162330928	Phan Quang	Vinh	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
250	162330932	Lê Ngọc	Vũ	B16QTH2	8		5		7				4	5.3	Nằm pháp Ba		
251	162330936	Nguyễn Thị Bích	Vy	B16QTH2	8		5		6				4	5.0	Nằm		
252	162330937	Trần Vương Ái	Vy	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
253	162330938	Đoàn Ngọc Hoàng	Vỹ	B16QTH2	10		4.5		7				4	5.4	Nằm pháp Bấứ		
254	162330943	Nguyễn Thị	Yến	B16QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
255	162330944	Nguyễn Thị Bảo	Yến	B16QTH2	10		5		7				3	0.0	Khăng		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B16QTH													
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG & SẢN XUẤT										ĐỢT HỌC		3	
				MÃ HỌC PHẦN : MGO - 301										TÍN CHỈ		3	
Ngày thi: 09/07/2011														LẦN THI		1	
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
256	162350469	Lê Thị	Hạnh	B16QTH2	8		5		6				3.5	0.0	Khăng		
257	162410950	Phuong Lang	Chi	B16QTH2	10		4.5		7				4.5	5.7	Nằm pháy Baý		
258	162520606	Phạm Quang	Thái	B16QTH2	8		5		7				4	5.3	Nằm pháy Ba		
259	162320313	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	B16QTH2	0		0		0				3.5	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	129	50%	
2	Số sinh viên nợ	130	50%	
TỔNG CỘNG :		259	100%	

LẬP BẢNG	KIỂM TRA (ký và ghi rõ họ tên)	TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN (ký và ghi rõ họ tên)	Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2011	
			PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH (ký và ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Kim Đức	Phạm Hồng Phương	TS. Hồ Văn Nhân	ThS. Nguyễn Hữu Phú	